

Số: 93 /2024/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 21 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 29 Mai Thúc L, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và bà Phan Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 77 Dương Chí Tr, tổ 92, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Thanh X và bà Phan Thị T kết hôn với nhau vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 180, ngày 26/01/2001). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng sâu sắc về nhiều vấn đề trong cuộc sống

nên thường xuyên cãi vã và làm tổn thương lẫn nhau. Đã rất nhiều lần cùng nhau nói chuyện để tìm cách giải quyết nhưng đều không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2022, ông X công tác và sinh sống tại 29 Mai Thúc L, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Cả hai thống nhất xem đây là thời gian ly thân để suy nghĩ kỹ hơn về nhau với mong muốn có thể hàn gắn nhưng cả hai không thể dung hoà quan điểm sống, không còn thương yêu quý trọng quan tâm chăm sóc nhau. Ông X và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông X và bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh X và bà Phan Thị T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông X và bà T xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Phan Khánh H, sinh ngày 09/6/2003 và Nguyễn Phan Thanh L, sinh ngày 14/10/2012. Ly hôn, ông X và bà T thỏa thuận như sau: Bà Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phan Thanh L, sinh ngày 14/10/2012 và ông Nguyễn Thanh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 6 năm 2024.

Đối với con Nguyễn Phan Khánh H, sinh ngày 09/6/2003 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

Ông X và bà T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung*: Ông X và bà T xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông X và bà T xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông X và bà T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 13 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh X và bà Phan Thị T (Giấy chứng nhận kết hôn số 180 do Ủy ban nhân dân phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông X và bà T ngày 26/01/2001 không còn giá trị pháp lý).

- *Về con chung*: Bà Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phan Thanh L, sinh ngày 14/10/2012. Ông Nguyễn Thanh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 6 năm 2024.

Đối với con Nguyễn Phan Khánh H, sinh ngày 09/6/2003 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Thanh X và bà Phan Thị T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Thanh X và bà Phan Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0001995 ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông X và bà T đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ